

b)  $310 \text{ cm}^2 = \dots\dots \text{ dm}^2 \dots \text{ cm}^2$   
 $1879 \text{ cm}^2 = \dots\dots \text{ dm}^2 \dots\dots \text{ cm}^2$   
 $5 \text{ dm}^2 35 \text{ cm}^2 = \dots\dots \text{ cm}^2$

Bài 2. Một hình chữ nhật có chiều dài 72 dm, chiều rộng bằng một phần ba chiều dài. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

-Nhận xét bài làm của học sinh.

Bài 3. Viết thành số đo diện tích.

-Hai trăm năm mươi đề - xi - mét vuông.

-Năm trăm linh bốn đề - xi - mét vuông.

-Một nghìn tám trăm mười lăm đề - xi - mét vuông.

-Ba nghìn bốn trăm sáu mươi hai đề - xi - mét vuông.

-Nhận xét và chữa bài.

#### 4. Củng cố dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Về nhà học bài và chuẩn bị bài sau.

b)  $310 \text{ cm}^2 = 3 \text{ dm}^2 10 \text{ cm}^2$   
 $1879 \text{ cm}^2 = 18 \text{ dm}^2 79 \text{ cm}^2$   
 $5 \text{ dm}^2 35 \text{ cm}^2 = 535 \text{ cm}^2$

-HS suy nghĩ và làm bài cá nhân.

-1 em làm bảng nhóm.

-Dán bảng và trình bày.

Giải: Chiều rộng hình chữ nhật là:

$$72 : 3 = 24 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình chữ nhật là:

$$72 \times 24 = 1728 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số:  $1728 \text{ cm}^2$

-Lớp làm vở, 2 em làm bảng.

- 250 dm<sup>2</sup>

- 504 dm<sup>2</sup>

- 1815 dm<sup>2</sup>

- 3462 dm<sup>2</sup>

-Nhận xét bài làm của bạn.

## Luyện tiếng việt

### Luyện tập: Tính từ

#### I. Mục tiêu:

- HS hiểu thế nào là tính từ.

- Tìm được tính từ trong đoạn văn, biết điền tính từ vào câu văn, câu thơ cho trước.

#### II. Đồ dùng dạy học:

Bảng nhóm.

#### III. Các hoạt động dạy học:

##### A. Kiểm tra bài cũ:

##### B. Dạy bài mới:

##### 1. Giới thiệu:

##### 2. Nội dung:

Bài 1. Xếp các tính từ sau vào từng cột cho phù hợp.

Xanh biếc, chắc chắn, tròn vo, mềm mại, đỏ thắm, tím ngắt, trắng trẻo, dong

dòng, trong vắt, chót vót, dững cảm, chân thật, to lớn.

**-Chia lớp thành 4 nhóm.**

-Thảo luận nhóm, ghi kết quả vào bảng nhóm.

-Đại diện nhóm báo cáo kết quả.

-Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

<i>Tính từ chỉ màu sắc</i>	<i>Tính từ chỉ kích thước</i>	<i>Tính từ chỉ tính chất</i>
Xanh biếc, đỏ thắm, tím ngắt, trắng trẻo	Tròn vo, dong dong, chót vót, to lớn	Chắc chắn, mềm mại, trong vắt, dững cảm, chân thật

**- Nhận xét, khen ngợi các nhóm.**

Bài 2. Điền vào chỗ trống các danh từ có thể ghép được với cụm tính từ sau:

a) ..... tròn vành vạnh

a) Mặt trăng tròn vành vạnh

b) ..... méo xệch

b) Miệng méo xệch

c) ..... thẳng tắp

c) Con đường thẳng tắp

d) ..... cao lênh khênh

d) Bàn Nam cao lênh khênh

e) ..... sâu thăm thẳm

e) Đôi mắt sâu thăm thẳm

g) ..... ngắn ngủn

g) Mái tóc ngắn ngủn

Bài 3. Chọn các từ chỉ màu đỏ thích hợp điền vào từng chỗ trống cho bài thơ sau:

(đỏ phai, đỏ rực, đỏ tươi, đỏ ửng, đỏ hoe, đỏ ối, đỏ như, đỏ ngầu, đỏ chói, đỏ lựng).

Màu cờ Tổ quốc (1).....

Lò gang (2)..... sáng ngời lửa sao

(3)..... là sắc hoa đào

Vườn cam (4)....., lao xao gió hè

Nhớ thương con mắt (5).....

Bình minh (6)..... hàng tre sau nhà

Sông Hồng (7)..... phù sa

Mặt trời (8)..... chan hòa nắng mai

(9)..... là nước mương phai

Bài làm điểm kém hai tai (10).....

**-Y/c HS thảo luận theo nhóm.**

-Thảo luận tìm từ thích hợp.

**-Cho HS chơi trò chơi tiếp sức**

-Đại diện 2 nhóm chọn 10 bạn, mỗi bạn điền 1 từ. Khi bạn điền xong về chỗ bạn khác mới được lên. Nhóm nào điền đúng và xong trước là nhóm thắng cuộc

**-Cho HS xếp thành 2 hàng.**

*-Nhận xét, tuyên dương nhóm thắng.*

**-Thứ tự các từ cần điền: (đỏ tươi, đỏ rực, đỏ phai, đỏ ối, đỏ hoe, đỏ ửng, đỏ lựng, đỏ chói, đỏ ngẫu, đỏ như)**

5.Củng cố - dặn dò:

- Nhận xét tiết học. Y/c HS về nhà học bài và chuẩn bị bài sau.

**-Đại diện 2 nhóm lên thi điền nhanh trên bảng.**

**Thứ sáu ngày 7 tháng 11 năm 2014**

**Buổi sáng:**

**Thể dục**

**Ôn 5 động tác đã học của bài thể dục phát triển chung. Trò chơi: Kết bạn**

**I.Mục tiêu:**

- Kiểm tra 5 động tác của bài thể dục phát triển chung. Yêu cầu thực hiện đúng động tác và đúng thứ tự.

- Rèn thể lực cho học sinh, các em hứng khởi trong khi học thể dục.

**II.Đồ dùng dạy học:**

Sân trường, còi.

**III.Nội dung và phương pháp lên lớp:**

**1.Phân mở đầu:**

- GV tập trung lớp, nêu mục đích, nội dung tiết học.

**2.Phần cơ bản:**

**a. Kiểm tra bài thể dục phát triển chung:**

\* Ôn 5 động tác của bài thể dục phát triển chung (1 - 2 lần, mỗi động tác 2 x 8 nhịp).

+ Nội dung kiểm tra:

+Tổ chức và phương pháp kiểm tra:  
Kiểm tra theo nhiều đợt, mỗi đợt từ 2 - 5 em.

+ Cách đánh giá:

Đánh giá dựa trên mức độ thực hiện của từng HS theo 3 mức:

- Hoàn thành tốt.
- Hoàn thành.
- Chưa hoàn thành.

**3.Phần kết thúc:**

**- GV nhận xét, đánh giá.**

- Giậm chân tại chỗ, vỗ tay theo nhịp, xoay các khớp chân, tay.

- Mỗi HS thực hiện 5 động tác theo đúng thứ tự.

- Về nhà tập lại.

## Tập làm văn

### Mở Bài TRONG VĂN KỂ CHUYỆN

#### I.Mục tiêu:

- HS biết được thế nào là mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp trong bài văn kể chuyện.

- Bước đầu biết viết đoạn mở đầu một bài văn kể chuyện theo hai cách: Gián tiếp và trực tiếp. Vào bài 1 cách tự nhiên, lời văn sinh động.

#### II.Đồ dùng:

Phiếu khổ to.

#### III.Các hoạt động dạy học:

##### A.Kiểm tra bài cũ:

- 2 HS thực hành trao đổi với người thân về 1 người có nghị lực ý chí vươn lên trong cuộc sống.

##### B.Dạy bài mới:

###### 1.Giới thiệu:

###### 2.Phần nhận xét:

+ Bài 1, 2:

HS: 2 em nối tiếp nhau đọc bài 1, 2.

- Cả lớp theo dõi.

-Đ1.Trời mùa thu mát mẻ ...đường đó.

-Đ2.Rùa không ... trước nó.

-2 HS đọc.

? Tìm đoạn mở bài trong truyện

-Gọi HS đọc đoạn mở bài vừa tìm được.

+ Bài 3:

HS: Đọc yêu cầu của bài, suy nghĩ và trả lời.

- GV yêu cầu HS so sánh cách mở bài thứ hai so với cách mở bài trước?

- Cách mở bài sau không kể ngay vào sự việc bắt đầu câu chuyện mà nói chuyện khác rồi mới dẫn vào câu chuyện định kể.

- GV chốt lại: Đó là 2 cách mở bài cho bài văn kể chuyện: Mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp.

###### 3.Phần ghi nhớ:

###### 4.Phần luyện tập :

+ Bài 1:

- 3 - 4 em đọc nội dung ghi nhớ.

-Đó là những cách mở bài nào, vì sao em biết?

HS: 4 em nối tiếp nhau đọc 4 cách mở bài của truyện “Rùa và Thỏ”.

- Cả lớp đọc thầm suy nghĩ trả lời.

+ Bài 2:

-Cách a: Mở bài trực tiếp.

-Cách b,c,d: Mở bài gián tiếp.

- 2 HS kể mở bài theo hai cách.

HS: 1 em đọc nội dung bài, cả lớp đọc

? Mở bài của truyện “Hai bàn tay” kể theo cách nào

-Nhận xét câu trả lời đúng.

+ Bài 3: (Giảm tải)

### 5.Củng cố dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Y/c HS về nhà học bài, chuẩn bị bài sau.

thêm và trả lời câu hỏi.

HS: ... theo cách trực tiếp.

## Toán

### Mét vuông

#### I.Mục tiêu:

- Giúp HS hình thành biểu tượng về đơn vị đo diện tích mét vuông.
- Biết đọc, viết và so sánh các số đo diện tích theo đơn vị đo mét vuông.
- Biết  $1m^2 = 100 dm^2$  và ngược lại. Bước đầu biết giải 1 số bài toán có liên quan đến  $cm^2, dm^2, m^2$ .

#### II.Đồ dùng dạy học:

- Chuẩn bị hình vuông cạnh 1m đã chia thành 100 ô vuông. Bảng phụ.

#### III.Các hoạt động dạy học:

##### A.Kiểm tra bài cũ:

- Gọi HS lên chữa bài tập.

##### B.Dạy bài mới:

###### 1.Giới thiệu bài:

###### 2.Giới thiệu mét vuông:

- GV giới thiệu: Cùng với  $cm^2, dm^2$  để đo diện tích người ta còn dùng đơn vị  $m^2$ .

- GV: Chỉ hình vuông và nói mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1m.

- Giới thiệu cách đọc và viết.

Đọc: Mét vuông.

Viết tắt:  $m^2$ .

###### 3.Thực hành:

###### + Bài 1:

- Treo bảng phụ kẻ sẵn.

HS: Lấy hình vuông đã chuẩn bị ra, quan sát.

HS: Đọc mét vuông.

Viết:  $m^2$ .

HS: Quan sát hình vuông, đếm số ô vuông  $1 dm^2$  có trong hình vuông và phát hiện mối quan hệ  $1 m^2 = 100 dm^2$  và ngược lại.

HS: Đọc kỹ đề bài và tự làm.

1 HS làm bảng.

**-Gọi 5 HS lên bảng đọc các số đo diện tích theo m<sup>2</sup>.**

**+Bài 2.Y/c HS tự làm bài.**

$$1m^2 = 100dm^2$$

$$100dm^2 = 1m^2$$

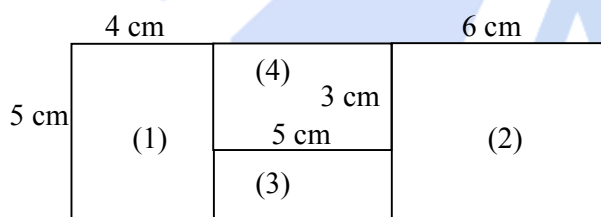
$$1 m^2 = 10\ 000 cm^2$$

$$10\ 000 cm^2 = 1 m^2$$

**+ Bài 3:**

**HD: Diện tích căn phòng chính là diện tích của số viên gạch dùng để lát nền.**

**+ Bài 4:**



**- GV chữa bài cho HS.**

**4.Củng cố dặn dò:**

- Nhận xét giờ học. Y/c HS về nhà học bài và chuẩn bị bài sau.

-Đọc lại các số đo vừa viết.

-2 em làm bảng, lớp làm vở.

$$400 = 4 m^2$$

$$2\ 110 m^2 = 211\ 000 dm^2$$

$$15 m^2 = 150\ 000 dm^2$$

$$10 dm^2\ 2 cm^2 = 1\ 002 cm^2$$

HS: Đọc đề bài, tóm tắt và tự làm.

**- 1 em làm bảng, lớp làm vở.**

Bài giải:

Diện tích của 1 viên gạch là:

$$30 \times 30 = 900 (cm^2)$$

Diện tích của căn phòng đó là:

$$900 \times 200 = 180\ 000 (cm^2)$$

$$\text{Đổi: } 180\ 000 cm^2 = 18m^2$$

$$\text{Đáp số: } 18 m^2.$$

HS: Đọc đề bài và tự làm vào vở.

- 1 em lên bảng giải.

Bài giải:

Diện tích hình chữ nhật to là:

$$15 \times 5 = 75 (cm^2)$$

Diện tích hình chữ nhật (4) là:

$$5 \times 3 = 15 (cm^2)$$

Diện tích miếng bìa là:

$$75 - 15 = 60 (cm^2)$$

$$\text{Đáp số: } 60 cm^2.$$

## Địa lý

**ôn tập**

### I.Mục tiêu:

- Hệ thống được những đặc điểm chính về thiên nhiên, con người và hoạt động sản xuất của người dân ở Hoàng Liên Sơn, trung du Bắc Bộ và Tây Nguyên.

- Chỉ được dãy núi Hoàng Liên Sơn, các cao nguyên ở Tây Nguyên và thành phố Đà Lạt trên bản đồ địa lý tự nhiên Việt Nam.

-Có ý thức yêu quý, gắn bó hơn với quê hương, đất nước Việt Nam.

## II. Đồ dùng dạy học:

- Bản đồ địa lý tự nhiên Việt Nam. Giấy khổ to + bút dạ.

## III. Các hoạt động dạy học:

### **A. Kiểm tra bài cũ:**

-? Kể tên 1 số loại hoa quả và rau xanh ở Đà Lạt

### **B. Dạy bài mới:**

#### **1. Giới thiệu:**

#### **2. Hoạt động 1: Vị trí miền núi và trung du.**

##### **A. Kiểm tra bài cũ:**

-? Kể tên 1 số loại hoa quả và rau xanh ở Đà Lạt

##### **B. Dạy bài mới:**

###### **1. Giới thiệu:**

###### **2. Hoạt động 1: Vị trí miền núi và trung du.**

- Khi tìm hiểu về miền núi và trung du, ta đã học về những vùng nào?

- Treo bản đồ địa lý tự nhiên Việt Nam.

- GV điều chỉnh lại phân làm việc của học sinh cho đúng.

###### **3. Hoạt động 2: Đặc điểm thiên nhiên.**

- Y/c HS làm việc cặp đôi, tìm thông tin điền vào bảng.

HS: Dãy Hoàng Liên Sơn, trung du Bắc Bộ, Tây Nguyên và Đà Lạt.

-HS: Lên bảng chỉ vị trí từng vùng.

-Nhận xét, bổ sung cho bạn.

HS: Thảo luận hoàn thiện bảng..

- Đại diện 1 số nhóm lên trình bày (Lần lượt 2 HS ở 2 cặp khác nhau lên bảng, mỗi người nêu đặc điểm địa hình ở 1 vùng và chỉ vào vùng đó).

-Tương tự như vậy với đặc điểm về khí hậu.

-Nhận xét và bổ sung.

<i>Đặc điểm thiên nhiên</i>	<i>Hoàng Liên Sơn</i>	<i>Tây Nguyên</i>
Địa hình	Dãy núi cao, đồ sộ, nhiều đỉnh nhọn, sườn núi dốc, thung lũng thường hẹp và sâu.	Vùng đất cao, rộng lớn gồm các cao nguyên xếp tầng cao thấp khác nhau.
Khí hậu	ở những nơi cao lạnh quanh năm, các tháng giữa mùa đông có khí có tuyết rơi,	Có 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa và mùa khô.

###### **4. Hoạt động 3: Con người và hoạt động.**

-Phát giấy kẻ sẵn khung cho các nhóm, y/c HS thảo luận hoàn thành bảng kiến thức.

-HS: Nhận giấy bút và làm việc nhóm.

-Các nhóm trình bày kết quả, mỗi nhóm trình bày 1 đặc điểm.

###### **5. Hoạt động 5: Vùng Trung du Bắc Bộ.**

- + Tại sao phải bảo vệ rừng ở trung du Bắc Bộ?
- + Người dân nơi đây đã làm gì để bảo vệ rừng?
- => GV hoàn thiện phần trả lời của HS.

-Rừng ở vùng này bị khai thác cạn kiệt, diện tích đất trống, đồi trọc tăng lên.  
-Trồng rừng nhiều hơn nữa, dùng hành vi phá rừng, khai thác gỗ bừa bãi.

### 5.Củng cố dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Y/c HS về nhà ôn bài, chuẩn bị bài sau.

## Buổi chiều:

## Luyện toán

### Luyện tập: các đơn vị đo diện tích

#### I.Mục tiêu:

- Biết đọc, viết và so sánh các số đo diện tích theo đơn vị đo mét vuông.
- Bước đầu biết giải 1 số bài toán có liên quan đến  $cm^2$ ,  $dm^2$ ,  $m^2$ .

#### II.Đồ dùng dạy học:

Bảng nhóm.

#### III.Các hoạt động dạy học:

##### A.Kiểm tra bài cũ:

##### B.Dạy bài mới:

##### 1.Giới thiệu bài:

##### 2.Luyện tập:

Bài 1.Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

- a)  $5 m^2 = \dots cm^2$   
 $35 m^2 = \dots dm^2$   
 $600 dm^2 = \dots m^2$
- b)  $1972 dm^2 = \dots m^2 \dots dm^2$   
 $4250 m^2 = \dots dm^2$   
 $957 dm^2 = \dots m^2 \dots dm^2$

**Bài 2.Một khu đất hình chữ nhật có chu vi là 48m, chiều dài hơn chiều rộng 4m. Tính diện tích khu đất đó.**

**-Y/c HS tự làm bài.**

- a)  $5 m^2 = 50000 cm^2$   
 $35 m^2 = 3500 dm^2$   
 $600 dm^2 = 6 m^2$
- b)  $1972 dm^2 = 19 m^2 72 dm^2$   
 $4250 m^2 = 425000 dm^2$   
 $957 dm^2 = 9 m^2 57 dm^2$

-HS cùng GV phân tích bài toán.  
-Đưa về bài toán tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó.

- Làm bài cá nhân vào vở.
- 1 em làm bảng nhóm.
- Dán bảng và trình bày.

Giải: Nửa chu vi khu đất là:  
 $48 : 2 = 24 (m)$

Chiều dài khu đất là:  
 $(24 + 4) : 2 = 14 (m)$

Chiều rộng khu đất là:  
 $14 - 4 = 10 (m)$

Diện tích khu đất là:



$$14 \times 10 = 140 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 140 m<sup>2</sup>

*-Nhận xét, chữa bài.*

**Bài 3. Một hình chữ nhật có chu vi là 140dm. Nếu tăng chiều rộng thêm 5m và giảm chiều dài 5dm thì nó trở thành hình vuông. Tính diện tích hình chữ nhật theo đơn vị mét vuông.**

Giải:

Nửa chu vi hình chữ nhật là:

$$140 : 2 = 70 \text{ (dm)}$$

Chiều dài hơn chiều rộng là:

$$5 + 5 = 10 \text{ (dm)}$$

Chiều rộng hình chữ nhật là:

$$(70 - 10) : 2 = 30 \text{ (dm)}$$

Chiều dài hình chữ nhật là:

$$30 + 10 = 40 \text{ (dm)}$$

Diện tích hình chữ nhật là:

$$30 \times 40 = 1200 \text{ (dm}^2\text{)} \text{ hay } 12\text{m}^2$$

Đáp số: 12m<sup>2</sup>

#### **4.Củng cố dặn dò:**

- Nhận xét giờ học. Y/c HS về nhà học bài và chuẩn bị bài sau.

### Tiếng Anh

(Giáo viên chuyên ngành soạn - giảng)

## Hoạt động tập thể

### SƠ KẾT TUẦN

#### I.Mục tiêu.

- Đánh giá việc thực hiện nề nếp và học tập trong tuần của HS.
- Nêu phương hướng và kế hoạch hoạt động tuần 12.
- Giúp cho HS có tinh thần - ý thức tự giác trong học tập và rèn luyện.

#### II.Nội dung.

##### **1.Nhận xét việc thực hiện nề nếp và học tập trong tuần.**

- Nề nếp: Đi học tương đối đầy đủ, đúng giờ.
- Xếp hàng ra, vào lớp nhanh; hát đầu giờ và giữa giờ đều, to, rõ ràng.
- Học tập: Trong lớp chú ý nghe giảng, hăng hái giơ tay phát biểu xây dựng bài.
- Hầu hết các bạn đã chịu khó học và làm bài trước khi đến lớp.

##### **2.Phương hướng tuần 12.**

- Phát huy những ưu điểm đã đạt được và khắc phục những tồn tại của tuần 11.
- Y/c HS học bài và làm bài đầy đủ trước khi đến lớp.